

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm mạnh sau khi số ca nhiễm tiếp tục đạt mức kỷ lục và TP.HCM áp dụng các biện pháp cứng rắn hơn để kiểm soát dịch bệnh

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tiếp tục giảm điểm do diễn biến tiêu cực của tình hình dịch bệnh

[Cập nhật công ty]

BID, TNG

[Quan điểm đầu tư]

Sau khi giảm thiểu tỷ trọng các vị thế ngắn hạn còn lại, NĐT được khuyến nghị có thể kê lệnh mua trở lại 1 phần vị thế trading khi VNIndex về lại vùng hỗ trợ đã đề cập nhưng ưu tiên cho các cổ phiếu sẵn có trong danh mục.

23/08/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,298.86	-2.30
VN30	1,412.00	-2.65
HĐTL VN30F1M	1,411.20	-2.34
HNXIndex	334.84	-0.95
HNX30	553.27	-0.01
UPCoM	91.46	-1.34
USD/VND	22,830	+0.05
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.08	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.74	+4
Dầu (WTI, \$)	63.83	+2.42
Vàng (LME, \$)	1,786.27	+0.29



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,298.86 (-2.30%)
KLGD (triệu CP) 669.1 (-42.4%)
GTGD (triệu US\$) 1,130.9 (-32.7%)

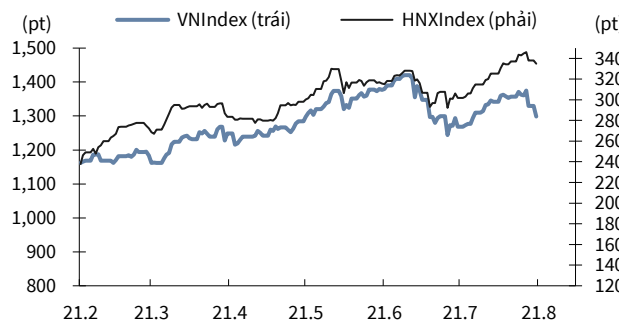
HNXIndex 334.84 (-0.95%)
KLGD (triệu CP) 178.7 (-37.3%)
GTGD (triệu US\$) 172.6 (-38.1%)

UPCoM 91.46 (-1.34%)
KLGD (triệu CP) 105.1 (-56.9%)
GTGD (triệu US\$) 79.3 (-39.9%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -15.0

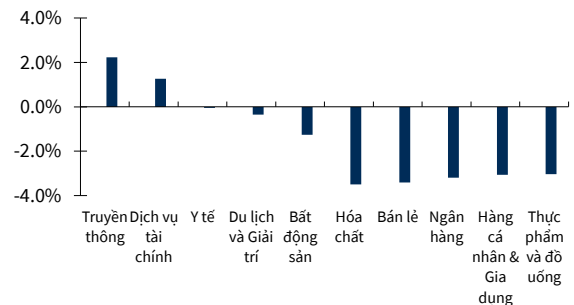
TTCK Việt Nam giảm mạnh sau khi số ca nhiễm tiếp tục đạt mức kỷ lục và TP.HCM áp dụng các biện pháp cứng rắn hơn để kiểm soát dịch bệnh. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong nửa đầu tháng 8, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 264 triệu USD (-30.1% YoY), giảm 41% so với nửa cuối tháng 7 do công suất sụt giảm từ 30 -70% khiến cổ phiếu thủy sản giảm giá ở ANV (-6.8%), VHC (-5.7%). Cổ phiếu ngành thép giảm giá ở HSG (-3.2%), HPG (-3.1%) trước thông tin từ Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 nên sản xuất và tiêu thụ thép trong tháng 7/2021 chững lại, cụ thể sản xuất thép các loại đạt 2.4 triệu tấn (-6.46% MoM) và tiêu thụ ngang mức tháng 6/2021 đạt 2.1 triệu tấn. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết 7 tháng đầu năm 2021, Việt Nam xuất khẩu được gần 3.5 triệu tấn gạo với trị giá 1.88 tỷ USD, giảm 12.69% về sản lượng và giảm 3.1% về giá trị bởi đứt gãy chuỗi cung ứng khiến giá cổ phiếu ngành gạo giảm giá ở LTG (-5.3%). Khối ngoại bán ròng ở FUEVFVND (-0.8%), HPG (-3.1%), MSN (-5.1%).

VNIndex & HNXIndex



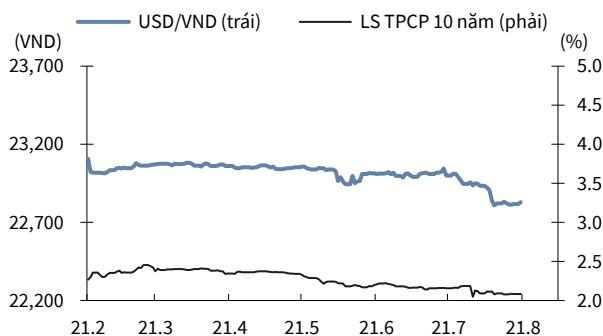
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



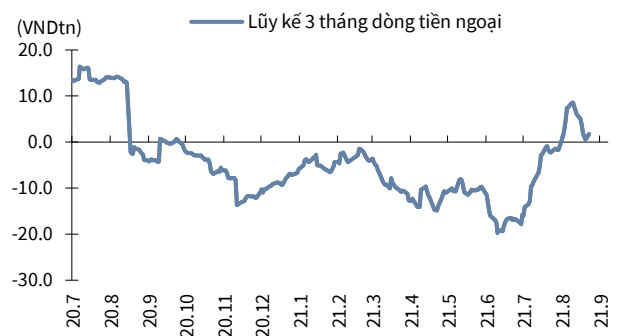
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

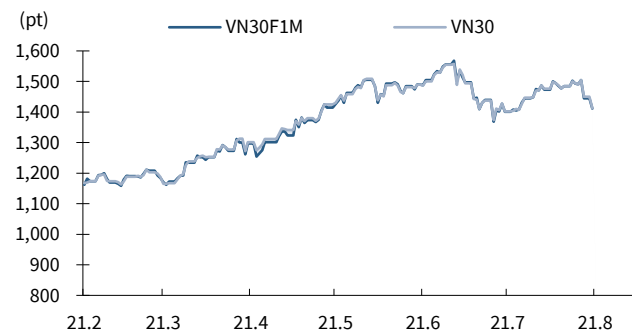
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,412.00 (-2.65%)
VN30F1M	1,411.2 (-2.34%)
Mở cửa	1,444.4
Cao nhất	1,447.7
Thấp nhất	1,408.1

HĐTL tiếp tục giảm điểm do diễn biến tiêu cực của tình hình dịch bệnh. Chênh lệch F2109 và VN30 mở cửa ở mức -5.5, sau đó biến động mạnh với biên độ rộng trong khoảng -7.9 và 6.3 trong phiên, và đóng cửa ở mức -0.8. NĐTNN giao dịch cân bằng trong phiên hôm nay với thanh khoản tăng mạnh.

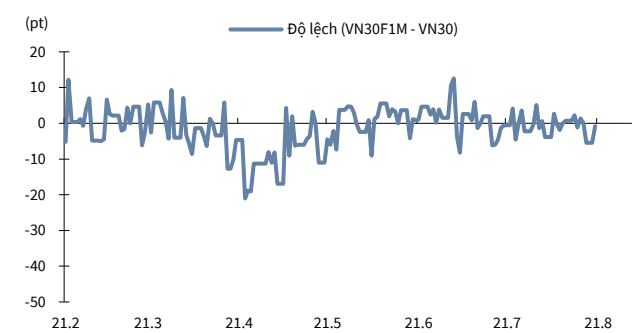
KLGD (HĐ) **355,929 (+21.8%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



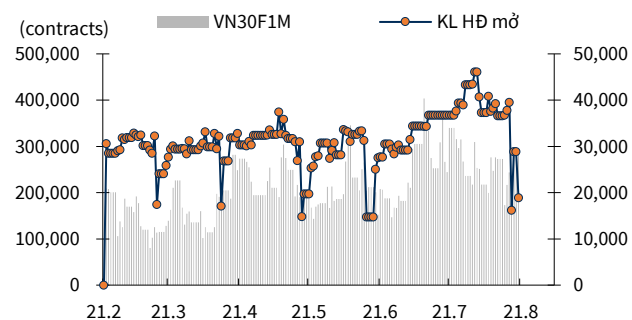
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



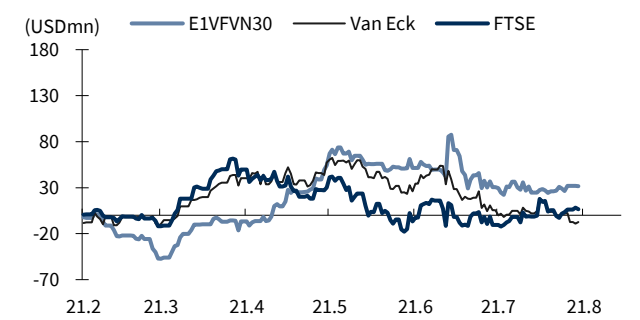
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

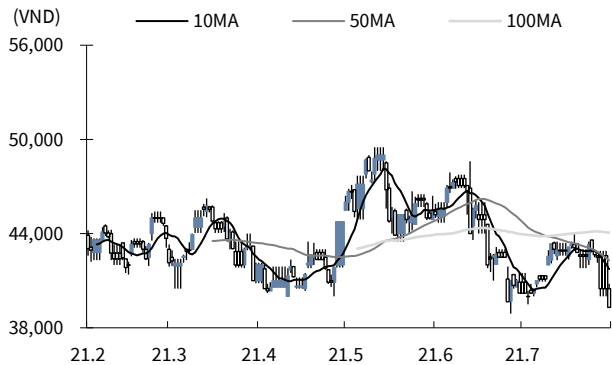
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

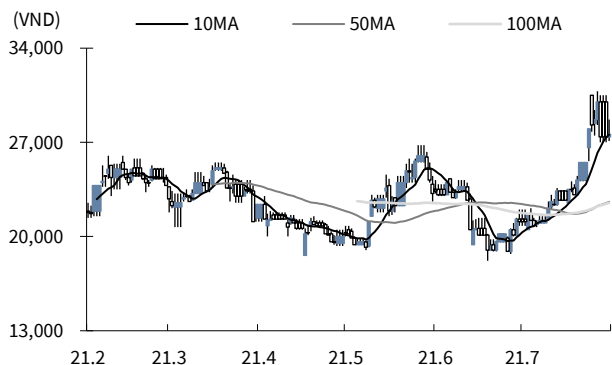
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BID giảm 3.0% xuống 39,300 VND/cp
- BIDV vừa công bố đã phát hành thành công 500 tỷ đồng trái phiếu có kỳ hạn 8 năm để tăng quy mô vốn hoạt động của ngân hàng. Đây là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo với lãi suất áp dụng là lãi suất thả nổi bằng lãi suất tham chiếu + 0.9%/năm và lãi suất áp dụng cho kỳ thanh toán lãi đầu tiên là 6.54%/năm.

CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (TNG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TNG tăng 0.7% lên 27,000 VND/cp
- Dệt may TNG thông báo phát hành gần 6.4 triệu cổ phiếu trả cổ tức 2020 với tỷ lệ 8%, thời điểm thực hiện trong quý III hoặc IV.
- Lũy kế 7 tháng, doanh nghiệp ghi nhận lợi nhuận đạt 113 tỷ đồng (+19.6% YoY) và doanh thu 2,966 tỷ đồng (+21.3% YoY).

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



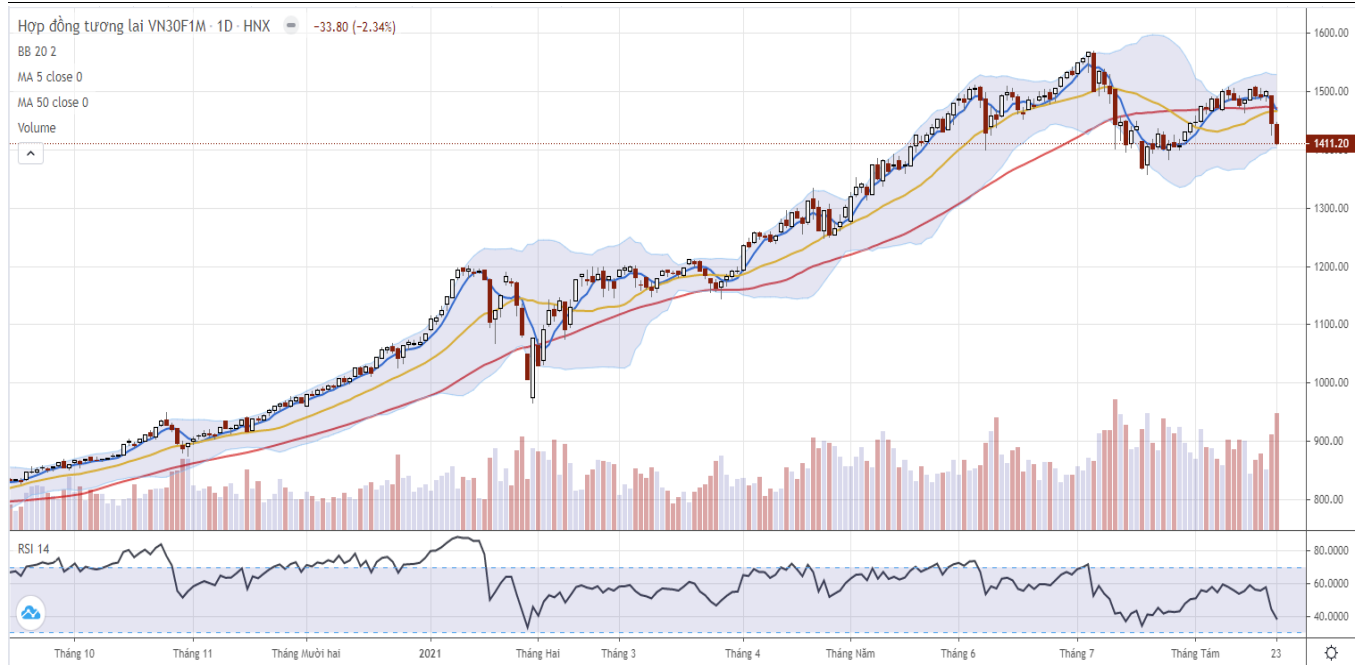
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tiếp tục trải qua một phiên giảm điểm mạnh với biên độ mở rộng về cuối phiên.
- Tín hiệu gia tăng của thanh khoản tại các nhịp sụt giảm phá đáy trong phiên cho thấy xu hướng giảm điểm vẫn đang có phần lấn át. Mặc dù vậy, chỉ số đang dần lùi về điểm đỡ quan trọng tại quanh 1290, mốc then chốt quyết định đến khả năng giữ được vùng đáy 122x, nên có thể kỳ vọng vào kịch bản sẽ xuất hiện một nhịp hồi phục tại đây.
- Sau khi giảm thiểu tỷ trọng các vị thế ngắn hạn còn lại, NĐT được khuyến nghị có thể kê lệnh mua trở lại 1 phần vị thế trading khi VNIndex về lại vùng hỗ trợ đã đề cập nhưng ưu tiên cho các cổ phiếu sẵn có trong danh mục.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1436 - 1440

Kháng cự gần: 1420 - 1425

Hỗ trợ gần: 1405 - 1409

Hỗ trợ xa: 1380 - 1485

— F1 giảm điểm trong trạng thái giằng co trước khi lao dốc về cuối phiên.

— Áp lực bán gia tăng cùng với thanh khoản ở mức cao cho thấy xu hướng giảm điểm vẫn đang có phần lấn át. Mặc dù vậy, chỉ số đang dần lùi về điểm đỡ quan trọng tại 140x, mốc then chốt quyết định đến khả năng giữ được vùng đáy 135x, nên có thể kỳ vọng vào kịch bản sẽ xuất hiện một nhịp hồi phục tại đây.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Quay lại chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều, LONG tại hỗ trợ/SHORT tại kháng cự.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở 1 phần trạng thái LONG tại vùng hỗ trợ gần nhưng đặt ngưỡng dừng lỗ chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

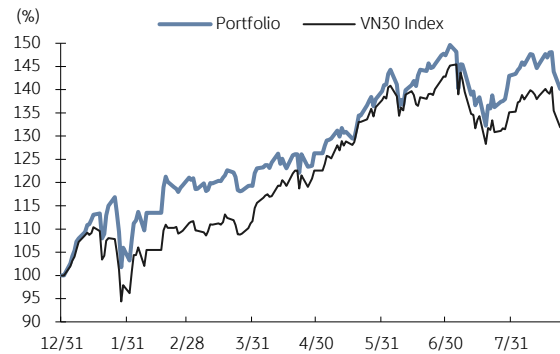
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-2.65%	-2.56%
Tăng lũy kế (YTD)	31.87%	40.20%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 23/08/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	158,100	-3.6%	41.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	40,750	-0.4%	67.2%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	88,500	-3.3%	19.4%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	28,600	-4.3%	137.5%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	58,000	-5.4%	80.3%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	91,000	-1.9%	218.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	32,700	0.0%	73.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	85,800	-1.9%	19.2%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	47,500	-3.1%	238.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbacs City Development (KBC)	09/03/2020	36,000	-1.6%	167.2%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	-0.8%	23.6%	74.6
SSI	1.4%	48.3%	68.2
CTG	0.0%	24.4%	59.7
NLG	-0.4%	45.1%	26.8
VNM	-2.1%	54.9%	23.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	-0.8%	95.8%	-227.1
HPG	-3.1%	26.5%	-85.2
MSN	-5.1%	33.4%	-78.7
NVL	1.2%	9.5%	-53.1
VIC	-1.5%	14.9%	-48.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VND	0.6%	18.6%	-0.3
DXS	-4.8%	19.1%	6.5
EVS	9.9%	0.0%	4.3
PAN	-6.9%	34.5%	2.7
TDN	-2.1%	1.6%	2.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHB	-3.5%	4.0%	-8.9
BVS	9.0%	9.3%	-2.3
CDN	-5.7%	21.0%	-2.1
BCC	1.3%	2.5%	-0.8
VCS	-3.6%	3.9%	-2.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	3.0%	VIX, SSI
Y tế	2.3%	DBD, VMD
Du lịch và Giải trí	-0.5%	VJC, RIC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.9%	REE, APH
Truyền thông	-2.0%	PNC, ADG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	-7.6%	TCB, BID
Dầu khí	-7.4%	PLX, PVD
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-6.9%	GAS, POW
Bán lẻ	-6.4%	MWG, FRT
Hàng cá nhân & Gia dụng	-5.8%	PNJ, TLG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	25.9%	SSI, VND
Hóa chất	14.4%	GVR, DPM
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	11.3%	GEX, REE
Xây dựng và Vật Liệu	7.9%	VGC, HT1
Du lịch và Giải trí	6.4%	VJC, HVN

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	-3.0%	PLX, PVD
Ngân hàng	-0.8%	VIB, BID
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.3%	GAS, PPC
Bán lẻ	-0.1%	MWG, PSH
Thực phẩm và đồ uống	0.1%	MSN, SAB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	298,445 (13.0)	22.5	57.4	56.1	14.7	9.3	8.2	4.2	3.9	-1.5	-2.1	4.1	0.0
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	1,126,528 (49.3)	26.6	11.6	10.2	35.9	29.9	27.2	3.1	2.4	-0.8	-7.6	-0.4	19.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	139,660 (6.1)	17.8	24.6	18.1	-7.6	7.5	10.0	1.9	1.7	-3.7	-8.6	-3.5	-17.0
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	301,124 (13.1)	31.3	35.9	25.9	6.7	16.0	14.5	4.4	4.1	1.2	1.1	1.8	118.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	187,271 (8.2)	11.6	22.0	15.5	18.0	12.9	15.8	2.5	2.1	-3.6	-8.9	-1.0	42.7
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	145,968 (6.4)	13.9	12.4	7.4	-	14.0	18.2	1.4	1.2	-4.8	-12.0	1.2	31.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	154,257 (6.7)	6.3	16.3	13.7	11.7	21.1	20.9	3.1	2.5	-2.8	-3.3	0.3	-0.6
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	92,000 (4.0)	12.7	16.7	12.2	-5.3	12.0	14.6	1.8	1.5	-3.0	-9.2	-2.2	-18.0
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	884,973 (38.7)	0.0	10.2	8.5	14.3	20.5	20.3	1.9	1.5	-3.5	-9.7	-1.5	54.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	542,740 (23.7)	1.4	9.1	7.5	61.1	19.2	19.9	1.7	1.5	0.0	-6.8	0.6	22.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	665,725 (29.1)	0.0	9.6	9.9	18.8	23.6	16.8	1.8	1.5	-3.0	-7.6	3.6	86.5
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	496,469 (21.7)	0.0	9.1	7.6	14.6	22.1	21.7	1.6	1.4	-4.3	-7.7	3.1	69.4
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	96,115 (4.2)	4.2	9.7	8.1	23.3	21.5	20.9	1.8	1.5	-2.6	-6.0	3.9	41.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	782,379 (34.2)	14.0	20.7	13.9	26.5	8.9	11.8	1.6	1.4	-4.6	-10.9	-5.9	59.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	202,402 (8.8)	0.0	7.5	6.2	37.5	23.7	22.5	1.6	1.2	-3.4	-8.9	2.4	26.1
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	13,682 (0.6)	0.2	34.7	18.9	27.3	5.8	10.0	1.7	1.6	-3.6	-9.6	-7.7	24.7	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	49,106 (2.1)	21.0	22.5	20.0	15.2	8.4	9.0	1.8	1.7	-2.6	-4.1	3.2	-21.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	37,472 (1.6)	14.2	11.3	-	9.1	13.1	-	1.4	-	-6.6	-9.6	-5.8	25.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	902,602 (39.4)	55.4	31.6	25.7	-3.2	14.1	14.5	4.6	4.3	1.4	2.1	25.3	91.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	342,979 (15.0)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	0.2	2.1	31.2	113.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	339,113 (14.8)	52.4	-	-	-25.5	-	-	-	-	0.2	2.5	26.2	81.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	583,966 (25.5)	27.2	11.7	19.8	36.3	21.3	17.0	3.9	3.5	0.6	0.4	27.8	183.9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	308,659 (13.5)	42.1	17.7	16.5	4.0	32.5	33.6	5.5	5.2	-2.1	-3.9	-1.8	-21.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	34,110 (1.5)	36.9	17.9	15.6	7.3	24.2	24.4	3.9	3.5	-2.1	-7.7	-8.9	-28.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	176,583 (7.7)	16.5	46.7	27.5	-51.9	15.0	22.4	7.6	6.0	-5.1	-4.9	6.7	42.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	72,899 (3.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-4.2	-6.9	-16.4	-52.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	79,731 (3.5)	11.0	160.4	24.6	-88.5	3.8	16.6	3.5	2.9	0.4	2.6	6.1	-3.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	208,306 (9.1)	10.8	27.6	19.4	-57.0	8.5	12.0	2.3	2.1	-0.1	-3.0	11.3	45.1
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	46,516 (2.0)	38.4	13.7	8.3	65.7	11.1	9.9	1.0	0.9	-0.8	-5.1	8.3	-18.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	56,247 (2.5)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-1.0	-7.4	0.8	93.7
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	182,829 (8.0)	37.7	17.1	11.9	-12.7	12.7	13.8	-	-	0.0	0.2	12.4	33.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	35,504 (1.6)	3.6	18.5	13.6	-52.4	3.2	4.3	0.6	0.5	-2.7	-3.7	8.3	-16.3
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	55,704 (2.4)	0.0	10.5	9.2	-4.5	13.5	13.9	1.3	1.3	-5.4	2.7	12.6	18.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%, - 1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	104,134 (4.6)	46.1	17.6	14.4	-17.5	18.9	21.1	3.2	2.9	-1.9	-8.9	-2.5	-0.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	8,608 (0.4)	31.4	17.4	11.2	-10.5	8.2	13.2	1.5	1.6	-0.5	0.3	4.9	-21.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	5,876 (0.3)	34.1	17.5	10.4	-5.1	7.9	13.9	1.4	1.4	-1.3	-2.6	-1.5	-8.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,307,477 (57.1)	18.0	7.3	7.2	21.9	38.8	28.6	2.3	1.7	-3.1	-3.9	3.7	54.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	198,830 (8.7)	36.5	15.1	19.2	-0.5	12.6	9.1	1.7	1.6	2.9	1.8	68.7	97.9
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	146,451 (6.4)	46.5	19.4	18.5	-4.5	11.3	10.9	2.0	1.9	3.6	4.5	33.2	75.0
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	468,148 (20.4)	38.9	4.7	6.4	67.9	38.5	24.7	1.7	1.4	-3.2	-1.6	7.3	86.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	120,522 (5.3)	97.2	10.2	10.5	17.2	10.3	9.9	1.0	1.0	-3.4	-6.7	8.0	16.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	84,312 (3.7)	4.6	17.5	14.8	-51.0	16.2	16.6	2.5	2.4	-2.2	-6.9	-3.4	-11.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	125,832 (5.5)	39.9	66.8	17.7	-11.9	0.7	3.0	0.5	0.5	-6.0	-11.3	0.0	6.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	117,030 (5.1)	35.9	8.7	8.3	1.2	14.3	13.9	1.3	1.1	-6.3	-11.7	13.6	42.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	194,751 (8.5)	0.0	15.2	12.3	13.7	26.0	26.8	3.7	3.1	-3.6	-7.1	-2.2	33.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	50,752 (2.2)	0.0	15.8	12.7	2.4	23.4	24.0	3.3	2.8	-3.3	-6.3	-2.7	9.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	6,650 (0.3)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	6.7	-4.8	-1.2	-65.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	137,515 (6.0)	30.3	30.2	19.8	-75.2	8.1	11.8	2.4	2.2	-5.4	-10.0	11.8	18.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	34,902 (1.5)	34.6	15.9	8.9	41.2	15.4	27.4	2.0	2.1	-2.5	-8.1	1.6	-20.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,449 (0.1)	45.4	16.9	15.9	10.7	20.6	20.3	3.2	2.9	-0.5	0.8	2.5	-8.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	028 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	0.0	-3.6	5.9
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	353,793 (15.4)	0.0	20.5	17.0	15.5	24.9	25.7	4.5	3.9	-1.9	-3.8	0.6	77.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.